

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HS-ST.
Ngày 19 tháng 6 năm 2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân

1. Bà Vũ Thị Bình.

2. Bà Phạm Thị Hương.

- Thư ký phiên toà: Ông Đào Đức Tài - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Quỳnh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 26/2019/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-HS ngày 06/6/2019 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Công T:** Sinh năm 1987 tại Nam Định; Nơi ĐKKHKT: Thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Số nhà 320, đường Quốc lộ 21B, TDP T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Mậu T (đã chết) và bà Mai Thị C: sinh năm 1962; Gia đình có 4 anh chị em, bị cáo là thứ 2; Vợ: Nguyễn Thị N: sinh năm 1990; Có 1 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 07-QĐ/UBKTHU ngày 03/6/2019 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2019 đến ngày 03/02/2019, được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh” (có mặt).

2. **Nguyễn Văn C:** Sinh năm 1983 tại Nam Định; Nơi ĐKKHKT: Thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Số nhà 26, đường Quốc lộ 21B, TDP T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Mậu T (đã chết) và bà Bùi

Thị T: Sinh năm 1960; Gia đình có 3 anh em, bị cáo là thứ nhất; Vợ: Vũ Thị Hải Y: Sinh năm 1984; Có 2 con, con lớn sinh năm 2013; con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/01/2019 đến ngày 13/01/2019, được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

3. **Lê Thanh Th:** Sinh năm 1965 tại Nam Định; Nơi ĐKKHKT: Xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Số nhà 122, đường Quốc lộ 21B, TDP S, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Minh T (đã chết) và bà Mai Thị C (đã chết); Gia đình có 6 anh em, bị cáo là thứ 6; Vợ Mai Thị N: Sinh năm 1969; Có 2 con, con thứ nhất năm 1990; con thứ hai sinh năm 1991; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/01/2019 đến ngày 13/01/2019, được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

4. **Nguyễn Thành L:** Sinh năm 1984 tại Nam Định; Nơi ĐKKHKT: Phường D, quận H, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Số nhà 25, liên kề 9, khu đô thị mới A, phường D, quận H, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Kỹ sư xây dựng; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Mậu T (đã chết) và bà Mai Thị C: Sinh năm 1962; Gia đình có 4 anh chị em, bị cáo là thứ nhất; Vợ: Tạ Thị H: Sinh năm 1986; Có 1 con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/01/2019 đến ngày 13/01/2019, được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

5. Bị hại: Bà Vũ Thị Kim N: Sinh năm 1962; Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

6. Những người làm chứng:

- Bà Mai Thị C: Sinh năm 1962; Nơi cư trú: Số nhà 119, đường H, TDP Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định (có mặt).

- Ông Nguyễn Mậu T2: Sinh năm 1953; Nơi cư trú: Số nhà 99, đường H, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Hữu Tr: Sinh năm 1957; Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định (có mặt).

- Anh Nguyễn Khánh T1 - Sinh năm 1984; Nơi cư trú: Số 58, tổ 4, đường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam (có mặt).

- Anh Nguyễn Mạnh Đ: Sinh năm 1987; Nơi cư trú: TDP Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định (có mặt).

- Chị Nguyễn Thị Thùy T: Sinh năm 1986; Nơi cư trú: TDP Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Mậu T ở thị trấn C và gia đình ông Nguyễn Hữu Tr và bà Vũ Thị Kim N ở thôn P, xã P có mối quan hệ quen biết nhau. Tháng 9/2018 ông Nguyễn Mậu T bị tai nạn giao thông chết. Sau khi ông T chết, gia đình ông Tr bà N nhiều lần đến nhà bà Mai Thị C (vợ ông T) và nhà của Nguyễn Thành L (con trai ông T) đòi nợ số tiền khi ông T còn sống vay của gia đình ông (theo ông Tr khai số tiền ông T vay là 2,5 tỷ đồng). Nhưng giữa hai bên không thống nhất giải quyết được. Ngày 03/01/2019 Nguyễn Thành L về nhà trao đổi với mẹ là bà Mai Thị C cùng em trai Nguyễn Công T để giải quyết việc vay nợ của ông T với gia đình ông Tr. Sau khi thống nhất xong L điện thoại cho con trai ông Tr là anh Nguyễn Khánh T1, hẹn gia đình anh T1 sáng ngày 04/01/2019 đến nhà bà C để giải quyết việc vay nợ. Sáng ngày 04/01/2019, T đến nhà bà C để cùng gia đình giải quyết việc vay nợ. Sau đó có em rể bà C là Lê Thanh Th và cháu họ của ông T là Nguyễn Văn C cũng đến nhà bà C chơi ngồi uống nước tại bộ bàn ghế đá kê ngoài sân trước nhà. Khoảng 09 giờ cùng ngày, anh T1 lái xe ô tô chở theo vợ chồng ông Tr cùng con gái vợ chồng ông Tr là chị Nguyễn Thị Thùy T và chồng của chị T là Nguyễn Mạnh Đ đến nhà bà C. Thấy gia đình ông Tr đến thì T, Th, C đi vào phòng ăn ở căn nhà phía ngoài ngồi uống nước nói chuyện. Trong khi ngồi uống nước T có kể lại việc gia đình ông Tr thường xuyên đến nhà o ép, đòi phải trả số tiền 2,5 tỉ đồng. T bảo Th và C: “Hôm nay gia đình cháu hẹn gia đình ông Tr lên nói chuyện, giải quyết nợ nần với nhau. Trong lúc nói chuyện nếu xảy ra xô xát, cãi chửi nhau, đánh nhau thì ông và C ở lại đây hỗ trợ gia đình cháu”. Th và C đồng ý ở lại. Vợ chồng ông Tr, anh T1, chị T và anh Đ cùng bà C, anh L ngồi ở bộ bàn ghế đá nói chuyện giải quyết việc vay nợ, giữa hai bên xảy ra cãi nhau vì bà C, anh L cho rằng không biết việc ông T vay 2,5 tỉ đồng của gia đình ông Tr trước khi chết như nào nên không có trách nhiệm trả. Trong lúc hai bên đôi co, L gọi điện thoại cho em trai ông T là ông Nguyễn Mậu T2 đến để cùng nói chuyện giải quyết việc nợ với gia đình ông Tr. Khoảng 5 phút sau ông T2 đến cùng L, bà C tiếp tục nói chuyện với gia đình ông Tr về vay nợ của ông T. Vợ chồng ông Tr yêu cầu gia đình bà C trả đủ số tiền ông T đã vay là 2,5 tỉ đồng nhưng gia đình bà C không đồng ý và yêu cầu đưa ra cơ quan pháp luật để giải quyết. Anh T1 không đồng ý và nói với L: “Mày có trả không, mày không trả thì nói với tao một câu”. L nói với anh T1: “Tao không trả, tao không vay mượn của mày”. Anh T1 nói với gia đình mình: “Nó không trả thì đi về” rồi đứng dậy cùng vợ chồng ông Tr, chị T và anh Đ đi về. Ông T2 liền nói: “Không được về, ở lại mời cơ quan pháp luật đến giải quyết”. L cũng nói: “Không được về để tao gọi chính quyền”. Anh T1 cùng gia đình mình vẫn đứng dậy ra về. Bực tức về việc gia đình ông Tr bỏ về L liền chạy

đến, dùng tay đâm vào lưng, vai anh T1 mấy cái rồi chạy ra giàn hoa phong lan ngay sân trước nhà lấy một đoạn tuýt sắt phi 21 dài 0,9m có sẵn dưới giàn lan để đánh anh T1. T, Th và C đang trong phòng ăn nghe thấy tiếng to tiếng, biết xảy ra đánh nhau nên cả ba cùng đứng dậy, mỗi người cầm lấy 01 tuýt sắt phi 21 để ở góc phía đông bắc phòng ăn do trước đó gia đình bà C làm giàn hoa phong lan còn thừa để lại, chạy ra để đánh gia đình nhà ông Tr. T vừa chạy ra cửa thấy bà N đứng trước sân quay lưng lại phía mình, T từ phía sau cầm tuýt sắt vụt trúng cẳng chân trái bà N, làm bà N bị gãy chân ngồi gục xuống đất. Thấy vậy chị T, bà C chạy đến can ngăn T. Bà C giằng tuýt sắt từ tay T vứt ra sân. C và Th cầm tuýt sắt đuổi đánh anh Đ, anh Đ bỏ chạy lên hiên nhà. C cầm tuýt sắt đuổi theo vụt anh Đ nhưng không trúng làm tuýt sắt tuột khỏi tay rơi ra sân. C lao vào ôm vật anh Đ ngã ra hiên, chân C va vào chiếc bàn mây tre đan để trên hiên làm đổ bàn vỡ mặt kính. Th thấy vậy chạy đến dùng tuýt sắt vụt vào người anh Đ. Thấy anh Đ bị C và Th đánh, anh T1 chạy đến lôi anh Đ ra thì bị L chạy đến dùng tuýt sắt vụt T1 một cái, T1 giơ hai tay lên đỡ thì bị L vụt trúng cánh tay trái, tay phải trượt vào đầu anh Đ. Thấy vậy ông Tr cùng bà C vào can ngăn, bà C giằng tuýt sắt từ tay L vứt xuống sân và hô to: “Mẹ xin các con đừng đánh nhau nữa” thì L dừng lại. Ông Tr nhặt tuýt sắt L vừa dùng để đánh nhau cất vào trong bồn cây cảnh giữa sân nhà bà C. Thấy hai bên vẫn tiếp tục đánh nhau, bà N hô to: “Gãy chân rồi, đừng đánh nữa” thì Th và C dừng lại không đánh nữa. Sau đó bà N được gia đình đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định. Hậu quả: Bà N bị gãy 1/3 dưới cả hai xương cẳng chân trái; Anh T1 bị sưng, xây sát da ở cánh tay trái, cánh tay phải và lòng bàn tay phải; Anh Đ bị sưng tấy ở đỉnh đầu và cánh tay trái.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Trực Ninh đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám xét nhà bà C đã thu giữ: Thu giữ trên mặt chậu cây xanh để ở sân khuôn viên phía sau nhà, cạnh bàn ghế đá nhà bà Mai Thị C 02 tuýt sắt gồm: 01 tuýt sắt phi 21 dài 1m; 01 tuýt sắt phi 27 dài 1m. Thu tại nền gian nhà kho 03 tuýt sắt gồm: 01 tuýt sắt phi 21 dài 1,13m; 01 tuýt sắt phi 21 dài 0,9 m; 01 tuýt sắt phi 21 dài 0,8m.

Bản giám định pháp y về thương tích số 06/19/TgT ngày 11/01/2019 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Nam Định kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của bà Vũ Thị Kim N là: 18% do vật cứng tác động gây thương tích.

Ngày 27/3/2019 CQĐT Công an huyện Trực Ninh trưng cầu giám định bổ sung về thương tích của bà Vũ Thị Kim N. Bản giám định pháp y về thương tích số 61/19/TgT ngày 05/4/2019 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Nam Định kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của bà Vũ Thị Kim N là: 18% (mười tám phần trăm), do vật cứng tác động gây thương tích.

Sau sự việc xảy ra gia đình bà C và gia đình ông Tr đã gặp nhau hòa giải. Gia đình bà Mai Thị C đã bồi thường thương tích cho bà N là 30.000.000đ. Gia đình bà N đã chấp nhận không yêu cầu bồi thường thêm và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T, L, Th và C.

Đối với thương tích của anh Nguyễn Khánh T1 và anh Nguyễn Mạnh Đ do bị L, Th, C dùng tuýt sắt và tay chân đánh gây thương tích nhẹ đã tự điều trị tại nhà. Anh T1 và anh Đ đều từ chối giám định thương tích, không yêu cầu L, Th, C phải bồi thường và xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho L, Th, C.

Tại cơ quan điều tra: Nguyễn Công T, Nguyễn Văn C, Lê Thanh Th, Nguyễn Thành L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nhận xét trên.

Bản cáo trạng số: 27/CT-VKS-KSĐT ngày 10 tháng 5 năm 2019, VKSND huyện Trục Ninh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Văn C, Lê Thanh Th, Nguyễn Thành L về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS.

Tại phiên toà:

Các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện VKSND huyện Trục Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn tại bản cáo trạng và đề nghị HĐXX:

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS xử phạt Nguyễn Công T từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 05 năm (bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2019 đến ngày 03/02/2019).

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS xử phạt Nguyễn Văn C, Lê Thanh Th từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng (các bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/01/2019 đến ngày 13/01/2019).

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; 58; Điều 36 BLHS xử phạt Nguyễn Thành L từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ (được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/01/2019 đến ngày 13/01/2019).

Về trách nhiệm dân sự: Giữa các gia đình đã tự thỏa thuận bồi thường về dân sự nên không xem xét.

Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 01 tuýt sắt phi 21 dài 1m; 01 tuýt sắt phi 21 dài 1,13m; 01 tuýt sắt phi 21 dài 0,9 m; 01 tuýt sắt phi 21 dài 0,8m.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Thành L

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT; VKSND huyện Trục Ninh; Điều tra viên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của Cơ quan CSĐT, VKSND huyện Trục Ninh đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay đều phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản vụ cố ý gây thương tích ngày 04/01/2019 của Công an thị trấn Cổ Lễ; Biên bản xác định tình trạng thương tích; Kết luận Giám định pháp y; Lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 09 giờ 40 phút, ngày 04/01/2019 vợ chồng ông Nguyễn Hữu Tr và bà Vũ Thị Kim N cùng các con trai là Nguyễn Khánh T1, con gái Nguyễn Thị Thùy T, con rể Nguyễn Mạnh Đ, đến nhà bà Mai Thị C là vợ ông Nguyễn Mậu T ở số nhà 119, đường H, thuộc TDP Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định để giải quyết việc ông Nguyễn Mậu T khi còn sống có vay tiền của gia đình ông Tr. Hai bên xảy ra xô sát dẫn đến đánh nhau. Nguyễn Công T dùng tuýt sắt vụt gây 1/3 dưới cả hai xương cẳng chân trái bà Vũ Thị Kim N, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 18%. Nguyễn Văn C, Lê Thanh Th và Nguyễn Thành L dùng tuýt sắt đánh anh Nguyễn Khánh T1 và anh Nguyễn Mạnh Đ gây thương tích nhẹ. Hành vi dùng tuýt sắt gây thương tích đối với bà Vũ Thị Kim N của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS như cáo trạng VKSND huyện Trục Ninh đã truy tố đối với các bị cáo.

[3] Về vị trí vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo Nguyễn Công T là người trực tiếp gây thương tích cho bà N giữ vai trò chính. Các bị cáo Nguyễn Văn C, Lê Thanh Th, Nguyễn Thành L có tham gia đánh nhau nhưng không trực tiếp gây thương tích cho bà N, các bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm cùng Nguyễn Công T đối với thương tích của bà N.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

4.1. Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

4.2. Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; Người bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo; Gia đình các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS (bị cáo C, Th, L được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS).

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, HĐXX xét thấy các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Văn C, Lê Thanh Th, Nguyễn Thành L có nhân thân tốt, nhất thời phạm tội, đều có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Nguyên nhân hành vi phạm tội một phần cũng do lỗi của người bị hại nhiều lần đến gia đình bà C và bị cáo L, yêu cầu bà C và L phải trả số tiền do ông Nguyễn Mậu T vay khi còn sống. HĐXX xét thấy về hình phạt không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đảm bảo việc giáo dục, cải tạo các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là người lao động, hoàn cảnh gia đình khó khăn, xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo L.

[7] Đối với thương tích của anh Nguyễn Khánh T1 và anh Nguyễn Mạnh Đ do bị L, Th, C dùng tuýt sắt và tay chân đánh gây thương tích nhẹ, đã tự điều trị tại nhà. Anh T1 và anh Đ đều từ chối giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể và xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho L, Th, C nên HĐXX không xem xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo L, T, Th, C đã tự nguyện bồi thường cho bà N số tiền 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*), bà N đã nhận đủ tiền và không yêu cầu L, T, Th, C phải bồi thường thêm. Anh T1 và anh Đ không yêu cầu L, Th, C phải bồi thường chi phí điều trị thương tích. Vì vậy về trách nhiệm dân sự HĐXX không xem xét giải quyết.

[9] Đối với 01 chiếc tuýt sắt phi 27 dài 1m: Quá trình điều tra xác định có sẵn trong chậu cây xanh, không dùng để đánh nhau CQĐT Công an huyện Trục Ninh đã trả lại cho bà Mai Thị C là đúng quy định của pháp luật.

[10] Vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 01 tuýt sắt phi 21 dài 1m; 01 tuýt sắt phi 21 dài 1,13m; 01 tuýt sắt phi 21 dài 0,9 m; 01 tuýt sắt phi 21 dài 0,8m.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Văn C, Lê Thanh Th, Nguyễn Thành L phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1.1. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS: Xử phạt Nguyễn Công T **24** (hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ **48** (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2019 đến ngày 03/02/2019).

1.2. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS: Xử phạt Nguyễn Văn C **15** (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **30** (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 04/01/2019 đến ngày 13/01/2019).

1.3. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS: Xử phạt Lê Thanh Th **15** (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **30** (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/01/2019 đến ngày 13/01/2019).

1.4. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 BLHS: Xử phạt Nguyễn Thành L **24** (hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/01/2019 đến ngày 13/01/2019 (một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành **23** (hai mươi ba) tháng **03** (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày cơ quan giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Giao các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Văn C, Lê Thanh Th cho chính quyền địa phương thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Giao bị cáo Nguyễn Thành L cho chính quyền địa phương phường D, quận H, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 01 tuýt sắt phi 21 dài 1m; 01 tuýt sắt phi 21 dài 1,13m; 01 tuýt sắt phi 21 dài 0,9 m; 01 tuýt sắt phi 21 dài 0,8m (theo biên

bản giao nhận vật chứng số: 34/THA ngày 10/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Văn C, Lê Thanh Th, Nguyễn Thành L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, các Bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Công an huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng